TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 24 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị Lê H.,** sinh năm 1989; Địa chỉ: K02/08 CVT, phường HCN, quận HC, thành phố ĐN.

* *Bị đơn:* Ông **Lê Văn S.**, sinh năm 1988; Địa chỉ: K02/08 CVT, phường HCN, quận HC, thành phố ĐN.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Vũ Thị Lê H. và ông Lê Văn S..

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vũ Thị Lê H. và ông Lê Văn S. thuận tình ly hôn.

2.2 *Về con chung:* Bà Vũ Thị Lê H. và ông Lê Văn S. xác định có một con chung tên Lê Vũ Nhật Tr. – sinh ngày 13 tháng 12 năm 2014. Ly hôn, bà H. trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông S. cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2.3 *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Vũ Thị Lê H. và ông Lê Văn S. xác định không có.

2.4 Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000đ bà Vũ Thị Lê H. tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 3347 ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà H. số tiền chênh lệch là 150.000đ.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ ông Lê Văn S. chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND q.Hải Châu;*
- *Chi cục THADS q.Hải Châu;*
- *UBND xã Ân Mỹ, Hoài Ân, Bình Định.*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Vũ Hồng Hải